TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Bà Lê Thị Kim Ngàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tâm - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 702/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-HN ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Huệ L, sinh năm 1978; Căn cước công dân số: 079178007419 cấp ngày 29/11/2021; địa chỉ: A N, Khu phố C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn D, sinh năm 1973; Căn cước công dân số: 079073007826 cấp ngày 20/12/2021; Địa chỉ: A N, Khu phố C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Huệ L trình bày:

Bà và ông Võ Văn D là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 001 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004.

Vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 2004 đến năm 2007, đến năm 2008, ông D có người phụ nữ khác ngoài hôn nhân, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông D không thay đổi, đã công khai sống chung bên ngoài, nhưng khi bà đề nghị ly hôn thì ông D không đồng ý. Tháng 5/2025 bà nộp đơn ly hôn lần đầu, sau đó bà rút đơn để hai bên tự hàn gắn và giải quyết việc của mình nhưng vẫn không giải quyết được. Hiện nay bà và ông D không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ảnh hưởng đến con cái và gia đình hai bên nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ văn D.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2004 và Võ Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2007, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Võ Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

3. ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*** về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đồng ý cho bà Trương Huệ L được ly hôn với ông Võ Văn D; về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về áp dụng pháp luật tố tụng**:*

[1] Bà Trương Huệ L và ông Võ Văn D, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 001 quyển số 01/2004 cấp ngày 07/01/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp; nay trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L có đơn yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn D, ông D cư trú tại phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn ông Võ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Trương Huệ L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***Về áp dụng pháp luật nội dung*:**

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Huệ L*:

Xét ý kiến của bà L cho rằng trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D có mối quan hệ ngoài hôn nhân, bà nhiều lần tha thứ nhưng ông không thay đổi và công khai chung sống với người khác. Tháng 5/2025, bà từng nộp đơn ly hôn nhưng rút đơn để tạo điều kiện hàn gắn, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được khắc phục, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống hôn nhân không thể duy trì, ảnh hưởng đến con cái và gia đình hai bên, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện để hai bên hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do ông D vắng mặt không có lý do.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải*

quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông D là có thật và hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về con chung:*

Quá trình chung sống, bà Trương Huệ L và ông Võ Văn D có 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2004 và Võ Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2007, cả hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Bà L khai không có.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trương Huệ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Ông Võ Văn D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25/6/2025

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về hôn nhân*: Bà Trương Huệ L được ly hôn ông Võ Văn D

(Giấy chứng nhận kết hôn số 001 quyển số 01/2004 cấp ngày 07/01/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường I1, Quận D (Nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Về con chung:* Đã trưởng thành
- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Huệ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049027 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trương Huệ L và ông Võ Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM
- VKSND khu vực 1 -TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 1 -TPHCM;
- UBND phường Khánh Hội, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 1
JYY290726.TL.QDBA
23035

Nguyễn Thị Phượng